

Bản án số: 56/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2020

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Hoài Tâm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Nguyễn Thị Hương Bình**

2/ Ông **Nguyễn Lai**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Huệ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Thoại** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 91/2020/TLST-HNGĐ ngày 27/4/2020 về việc: “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Kim V** - Sinh năm: 1989

Địa chỉ: thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt tại phiên tòa)

2. *Bị đơn:* Anh **Đặng Văn T** - Sinh năm: 1988

Địa chỉ: thôn C, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2020, bản tự khai ngày 20/5/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Kim V trình bày:

Về yêu cầu ly hôn: Chị V và anh Đặng Văn T tự nguyện kết hôn với nhau 2012 và được Ủy ban nhân dân xã S cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 24/2012 quyền số 01/2012 ngày 22/3/2012.

Quá trình chung sống: Trong thời gian chung sống giữa chị V và anh T đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu bia rồi gây chuyện đánh đập chị V và các con. Chính quyền địa phương đã hòa giải nhưng anh T vẫn không sửa đổi. Tháng 5/2019, chị V phải đưa các con về nhà cha mẹ ruột tại xã C, huyện C sinh sống cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu

thuần đã quá trầm trọng, hôn nhân không mang lại hạnh phúc, chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn T.

Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng chị V, anh T có 02 con chung là cháu Đặng Nhã Q sinh ngày 23/8/2012 và cháu Đặng An N sinh ngày 26/6/2017. Hiện nay, cháu Q, cháu N đang ở với chị V. Chị V yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

- Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Lê Thị Kim V đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn anh Đặng Văn T không chấp hành các quy định của pháp luật về tố tụng, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn cũng như về việc nuôi con, cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 20/4/2020, chị Lê Thị Kim V có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đặng Văn T, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện C đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Đặng Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về yêu cầu ly hôn:* Chị Lê Thị Kim V và anh Đặng Văn T tự nguyện kết hôn với nhau 2012 và được Ủy ban nhân dân xã S cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 24/2012 quyển số 01/2012 ngày 22/3/2012, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa chị V và anh T đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu bia rồi gây sự đánh đập chị V và các con làm cho cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, bế tắc. Đến tháng 5/2019, chị V phải đưa các con đi nơi khác sinh sống. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Kim V là có căn cứ.

[3] *Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:* Chị V và anh T có 02 con chung chưa thành niên là cháu Đặng Nhã Q sinh ngày 23/8/2012 và cháu Đặng An N sinh ngày 26/6/2017. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Q có nguyện vọng với mẹ và anh T thường xuyên uống rượu bia rồi đánh con. Vì vậy, để đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phát triển thể chất của cháu Q và cháu N nên chấp nhận yêu cầu của chị V, giao cháu Q và cháu N cho chị V nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] *Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn:* Chị V không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] *Về án phí:* Chị V phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Lê Thị Kim V được ly hôn với anh Đặng Văn T.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

- Giao cháu Đặng Nhã Q sinh ngày 23/8/2012 và cháu Đặng An N sinh ngày 26/6/2017 cho chị Lê Thị Kim V được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Kim V không yêu cầu nên không xét.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Chị Lê Thị Kim V không yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Kim V phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0008143 ngày 27/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lâm; chị Lê Thị Kim V đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Quy định: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Cam Lâm;
- THADS huyện Cam Lâm;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hoài Tâm